

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường sử dụng
nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách Nhà nước
đảm bảo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban
hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị
định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã
được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng
12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9918/TTr-STNMT-KHTC ngày 01 tháng 10 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5022/BC-STP-VB ngày 05 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách Nhà nước đảm bảo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành Thành phố có liên quan; Giám đốc Kho bạc nhà nước Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí
sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách Nhà nước đảm bảo
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định: 106/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số mức chi sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm (một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường) để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không áp dụng mức chi tại Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Thực hiện theo Phụ lục đính kèm Quy định này.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí ngân sách nhà nước: Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí chi nhiệm vụ bảo vệ môi trường do các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố thực hiện theo phân cấp ngân sách và quy định hiện hành.
2. Nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Đối với dự án, đề án về bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.
4. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường phải theo đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán, chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) đã được phê duyệt đề cương và dự toán (theo mức chi tối đa được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính) trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, được tiếp tục áp dụng thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt, không phải xây dựng lại dự toán kinh phí theo mức chi được quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.
2. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các nhân có liên quan tổ chức triển khai, áp dụng mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tại Quyết định này để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên tinh thần tiết

kiệm và có hiệu quả.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Trường hợp Nhà nước ban hành những quy định mới có liên quan đến các nội dung trong Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất nội dung cần điều chỉnh, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Đính kèm Quyết định số 106/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

| Số TT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi (1.000 đ) | Ghi chú |
|-------|---|-------------|--|---|
| 1 | Lập nhiệm vụ, dự án: | | Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 | |
| 2 | Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có) | Buổi họp | | <i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i> |
| a) | - Chủ tịch Hội đồng | người/buổi | 500 | |
| b) | - Thành viên, thư ký | người/buổi | 300 | |
| c) | - Đại biểu được mời tham dự | người/buổi | 150 | |
| d) | - Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện | Bài viết | 500 | |
| e) | - Nhận xét đánh giá của uỷ viên hội đồng | Bài viết | 300 | |
| 3 | Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa | Bài viết | 500 | <i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i> |

| Số TT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi (1.000 đ) | Ghi chú |
|----------|--|----------------------|--|---------|
| | không quá 5 bài viết) | | | |
| 4 | Điều tra, khảo sát | | | |
| 4.1 | Lập mẫu phiếu điều tra | Phiếu mẫu được duyệt | 500 | |
| 4.2 | Chi cho đối tượng cung cấp thông tin | | | |
| a) | - Cá nhân | Phiếu | 50 | |
| b) | - Tổ chức | Phiếu | 100 | |
| 4.3 | Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài) | Người/ngày công | Mức tiền công 1 người/ngày bằng 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày) | |
| 5 | Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ: | | | |
| 5.1. | - Nhiệm vụ | Báo cáo | 5.000 | |
| 5.2. | - Dự án | Báo cáo | 15.000 | |
| 6 | Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu | | | |

| Số TT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi (1.000 đ) | Ghi chú |
|----------|---|-------------|-------------------|---------|
| | có) | | | |
| 6.1. | - Chủ tịch Hội đồng | Người/buổi | 700 | |
| 6.2. | - Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có) | Người/buổi | 600 | |
| 6.3. | - Ủy viên, thư ký hội đồng | Người/buổi | 300 | |
| 6.4. | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | 150 | |
| 6.5. | - Bài nhận xét của ủy viên phản biện | Bài viết | 500 | |
| 6.6 | - Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có) | Bài viết | 300 | |
| 6.7. | - Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03) | Bài viết | 400 | |
| 7 | Hội thảo khoa học (nếu có) | | | |

| Số TT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi (1.000 đ) | Ghi chú |
|----------|---|---------------------|-------------------|--|
| 7.1. | - Người chủ trì | Người/buổi hội thảo | 500 | |
| 7.2. | - Thư ký hội thảo | Người/buổi hội thảo | 300 | |
| 7.3. | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi hội thảo | 150 | |
| 7.4. | - Báo cáo tham luận | Bài viết | 350 | |
| 8 | Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ | | | |
| 8.1 | <i>Nghiệm thu nhiệm vụ:</i> | | | |
| a) | - Chủ tịch Hội đồng | Người/buổi | 400 | |
| b) | - Thành viên, thư ký | Người/buổi | 200 | |
| 8.2 | <i>Nghiệm thu dự án:</i> | | | |
| a) | - Chủ tịch Hội đồng | Người/buổi | 700 | |
| b) | - Thành viên, thư ký hội đồng | Người/buổi | 400 | |
| c) | - Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện | Bài viết | 500 | |
| d) | - Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có) | Bài viết | 400 | |
| | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | 150 | |
| 9 | Chi giải thưởng môi trường: | | | <i>Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 07/5/2021</i> |
| 9.1. | <i>- Tổ chức hoặc cộng đồng</i> | | | |

| Số TT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi (1.000 đ) | Ghi chú |
|--------------|---------------------|--------------------|--------------------------|---|
| a) | + Giải Nhất | Giải | 20.000 | <i>của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế giải thưởng môi trường Thành phố Hồ Chí Minh</i> |
| b) | + Giải Nhì | Giải | 16.000 | |
| c) | + Giải Ba | Giải | 12.000 | |
| 9.2. | - Cá nhân | | | |
| a) | + Giải Nhất | Giải | 15.000 | |
| b) | + Giải Nhì | Giải | 10.000 | |
| c) | + Giải Ba | Giải | 8.000 | |